



CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN HÀ NỘI

HA NOI ELEVATOR AND EQUIPMENT ELECTRICAL JOINT STOCK COMPANY

www.hnee.com.vn

MỤC LỤC

- 03 Thư ngỏ
- 04 Hình ảnh về Công ty
- 06 Mục tiêu kinh doanh
- 07 Chứng nhận chất lượng - Bảo Hiểm
- 08 **THANG MÁY**
- 09 Nội thất Cabin
- 14 Hoa văn cửa tầng
- 16 Nút bấm thang máy
- 18 Trần thang máy
- 20 Mẫu hoa văn và trần giả gỗ
- 21 Mẫu đá lát sàn và tay vịn
- 27 Thang Quan sát
- 29 Thang máy tải hàng và ô tô
- 33 Thang Bệnh viện
- 36 Thang máy Home Lift
- 37 Thang máy chở hàng
- 39 Động cơ thang máy
- 41 Tủ điện thang máy
- 43 Tính năng và cách vận hành thang máy
- 45 **THANG CUỐN**
- 48 **BÃI ĐỖ XE TỰ ĐỘNG**
- 60 **THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN TỬ**
- 64 **HÌNH ẢNH SẢN PHẨM, THI CÔNG TIÊU BIỂU**
- 68 **DỰ ÁN TIÊU BIỂU**



工業技術研究院
Industrial Technology
Research Institute



Thư Ngỏ

Kính gửi Quý khách hàng!

Lời đầu tiên, Ban giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN HÀ NỘI xin gửi đến Quý đối tác, Quý khách hàng lời chào trân trọng, lời chúc may mắn và thành công.

Thành lập từ năm 2012 Công ty cổ phần Thang máy và Thiết bị điện Hà Nội (HN E&E) tự hào là một trong những doanh nghiệp thang máy, thang cuốn và thiết bị điện hàng đầu Việt Nam. Chúng tôi đi tiên phong trong lĩnh vực phân phối và kinh doanh thang máy, thang cuốn, bãi đỗ xe tự động thiết bị điện và phòng cháy chữa cháy:

- Phân phối các bộ phận, chi tiết thang máy và thang cuốn, điều hòa không khí, máy phát điện tại Việt Nam.
- Phân phối, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các sản phẩm thang máy, thang cuốn, thiết bị tự động hóa chính hãng trong và ngoài nước.
- Cung cấp hệ thống quản lý tòa nhà thông minh IBMS và hệ thống bãi đỗ xe tự động cho các công trình, tòa nhà cao tầng.

Hiện nay chúng tôi đang phân phối số lượng sản phẩm của các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới như: Schindler, Mitsubishi, Liwin,

Khởi đầu từ một công ty nhỏ nhờ chiến lược kinh doanh của Ban Giám Đốc và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể với đội ngũ nhân viên, thang máy Hà Nội đã phát triển vượt bậc về doanh số và quy mô. Hiện nay, thang máy Hà Nội đã hoàn thiện hệ thống văn phòng đại diện hiện đại, chuyên nghiệp, thành viên và số lượng lớn các cộng tác viên, công ty thiết kế, lắp đặt và xây dựng.

Chìa khóa thành công của thang máy Hà Nội là tập trung chú trọng phát triển nguồn nhân lực. Với quy trình tuyển dụng thực hiện kỹ lưỡng, khoa học, chuyên nghiệp và đặc biệt với sự hỗ trợ của hãng Schindler, Mitsubishi... Thang máy Hà Nội đã đầu tư đào tạo nhân viên một cách bài bản, cử đi học nước ngoài đều đặn, mời chuyên gia sang tư vấn về kỹ thuật thực tế tại Việt Nam. Chính vì thế hiện nay thang máy Hà Nội đang sở hữu một đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, ham học hỏi và bắt kịp những khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới và áp dụng linh hoạt với các công trình phức tạp ngày càng cao.

Trải qua hơn 10 năm hình thành và phát triển tới nay công ty thang máy và thiết bị điện Hà Nội tự hào là một Công ty có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, tư vấn, thiết kế, thi công lắp đặt, bảo trì các loại thang máy, thang cuốn... được đánh giá có đội ngũ công nhân lành nghề và có tổ chức hậu mãi tốt nhất hiện nay. Luôn đặt uy tín chất lượng lên hàng đầu cùng phong cách hiện đại, thang máy Hà Nội HN E&E trở thành thương hiệu đáng tin cậy cho nhiều công trình lớn.

▶ HÌNH ẢNH CÔNG TY



Giới thiệu

Là một lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm về quá trình hoạt động các lĩnh vực Công ty đang kinh doanh. Tổng giám đốc Nguyễn Thanh Xuân của Công ty HN E&E đang dần chứng tỏ khả năng và sự hiểu biết sâu rộng của mình để đưa công ty ngày càng phát triển.

Trong bối cảnh Cách mạng 4.0 đang ảnh hưởng sâu rộng đến tất cả mọi lĩnh vực của nền kinh tế với sự biến đổi không tính bằng tháng, bằng ngày, mà bằng phút, bằng giây, thì việc tìm kiếm cơ hội đầu tư ở những lĩnh vực mới, chấp nhận sẵn sàng đối mặt với thử thách là điều mà HN E&E luôn kiên định để tiếp tục vươn lên vị thế là người dẫn đầu trên thị trường thang máy, thang cuốn...

Hơn bao giờ hết, đây là lúc người HN E&E phải tiếp tục duy trì và củng cố những giá trị đã và đang tạo nên sức mạnh của chúng ta, đồng thời phải tìm kiếm và phát huy những giá trị mới để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Mỗi người HN E&E phải sáng tạo hơn nữa; Chuyên nghiệp hơn nữa, và trách nhiệm hơn nữa. Trách nhiệm với khách hàng, với đối tác với đồng nghiệp, và quan trọng hơn là trách nhiệm với chính bản thân mình. Bởi chỉ khi làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, chúng ta sẽ không chỉ giúp cuộc sống của chính mình tốt đẹp hơn mà còn đang đóng góp cho doanh nghiệp, cho cộng đồng, cho xã hội cũng ngày một tốt đẹp hơn.

Triết lý kinh doanh

Uy tín: Bảo vệ chữ Tín đối với khách hàng, với đối tác như bảo vệ con người của mỗi thành viên HN E&E.

Con người: HN E&E luôn coi trọng mối quan hệ hướng đến sự gắn kết bền vững và giàu tính nhân văn giữa con người với con người.

Kỷ luật: Giữ vững kỷ luật trong công việc là sức mạnh nội lực của HN E&E trong chiến lược phát triển.

Sáng tạo: Tinh thần sáng tạo luôn được khuyến khích và duy trì trong tập thể HN E&E.

Văn hoá: HN E&E là một môi trường có nền tảng văn hoá doanh nghiệp giàu tính nhân văn, tính cộng đồng.



► MỤC TIÊU KINH DOANH

An toàn tin cậy

- An toàn của khách hàng sử dụng thang và nhân viên là ưu tiên số một.
- Giảm tỷ lệ cuộc gọi sửa chữa của khách hàng và đạt được mức độ tin cậy cao nhất.

Hài lòng của khách hàng

- Theo dõi và cố gắng không ngừng cải thiện mức độ trung thành của khách hàng.
- Điều chỉnh mọi quy trình để phục vụ khách hàng theo phương thức đáp ứng nhanh, đơn giản hóa.

Con người

- Liên tục đào tạo và phát triển con người, là cơ sở để tăng trưởng, nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Phát triển lâu dài

- Chiếm vị trí cao trong tất cả các phân khúc thị trường có hoạt động của Công ty.
- Giành cơ hội phát triển trong các thị trường mới phát triển.
- Đáp ứng sự tăng trưởng số lượng thang thông qua việc chuyển giao từ bộ phận Lắp đặt sang Bảo trì và nâng cao mức độ tin tưởng của khách hàng.
- Phát triển khả năng thi công nhằm cải thiện chất lượng, hiệu quả và lợi nhuận.
- Liên tục cải tiến sản phẩm và quy trình để trở nên thân thiện hơn với môi trường.

Hiệu quả tài chính

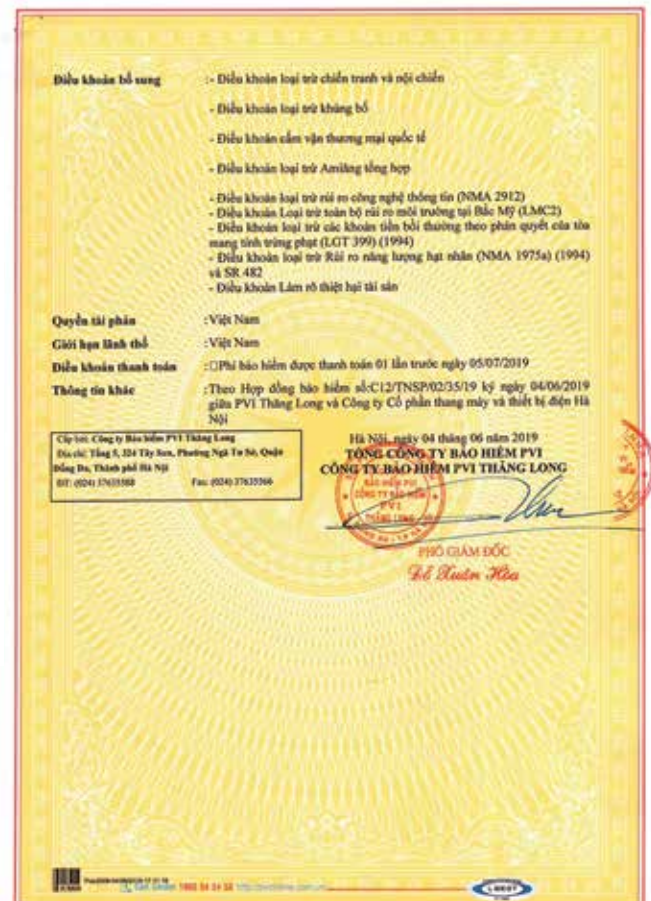
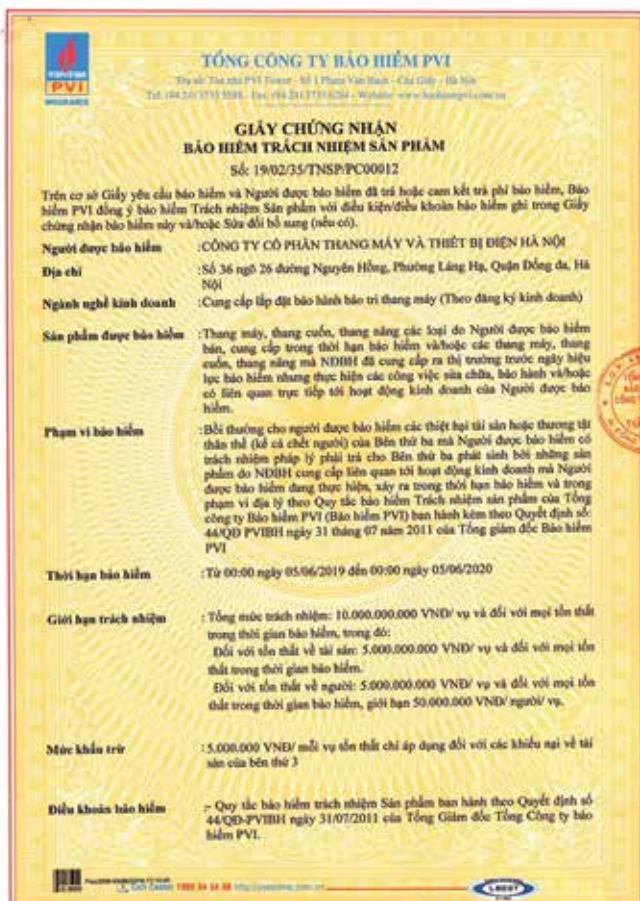
- Nâng cao vững chắc kết quả tài chính thông qua sự tăng trưởng lợi nhuận.
- Liên tục cải tiến sản phẩm và quy trình để tăng cường tính cạnh tranh.



CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG



BẢO HIỂM





02 THANG MÁY

▶ NỘI THẤT CABIN



HNE&E - CB01

Vách	: Inox sọc nhuẩn, inox gương
Cửa	: Inox sọc nhuẩn
Trần	: Inox gương
Sàn	: Đá Granite
Tay vịn	: Ống Inox
Bảng điều khiển	: Inox sọc nhuẩn, hiển thị ma trận điểm



HNE&E - CB02

Vách	: Inox sọc nhuẩn
Cửa	: Inox sọc nhuẩn
Trần	: Inox sọc nhuẩn, inox gương
Sàn	: Đá Granite
Tay vịn	: Ống Inox
Bảng điều khiển	: Inox sọc nhuẩn, hiển thị ma trận điểm



HNE&E - CB03

Vách	: Inox hoa văn
Cửa	: Inox sọc nhuẩn gương hoa văn
Trần	: Inox gương
Sàn	: Đá Granite
Tay vịn	: Ống Inox
Bảng điều khiển	: Inox sọc nhuẩn, hiển thị ma trận điểm



HNE&E - CB04

Vách	: Inox hoa văn gỗ tự nhiên
Cửa	: Inox sọc nhuẩn gương hoa văn
Trần	: Inox gương
Sàn	: Đá Granite hoa văn
Tay vịn	: Ống Inox
Bảng điều khiển	: Inox sọc nhuẩn, hiển thị ma trận điểm



HNE&E - CB05

Vách	: Inox sọc nhuẩn hoa văn
Cửa	: Inox sọc nhuẩn gương hoa văn
Trần	: Inox gương
Sàn	: Đá Granite ghép
Tay vịn	: Ống Inox
Bảng điều khiển	: Inox sọc nhuẩn, hiển thị ma trận điểm



HNE&E - CB06

Vách	: Inox gương vàng, Inox gương trắng
Cửa	: Inox sọc nhuẩn
Trần	: Inox gương vàng hoa văn
Sàn	: Đá Granite
Tay vịn	: Inox ống
Bảng điều khiển	: Inox vàng, hiển thị ma trận điểm



HNE&E - CB07



HNE&E - CB08



HNE&E - CB09



HNE&E - CB10



HNE&E - CB11



HNE&E - CB12



HNE&E - CB13



HNE&E - CB14



HNE&E - CB15



HNE&E - CB16



HNE&E - CB17



HNE&E - CB18



HNE&E - CB19



HNE&E - CB20



HNE&E - CB21



HNE&E - CB22



HNE&E - CB23

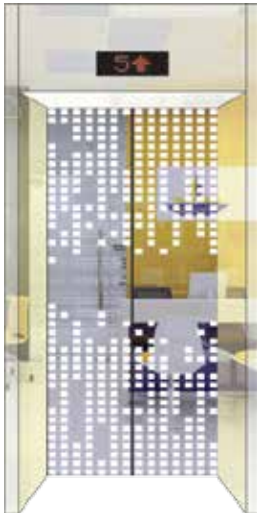


HNE&E - CB24

Hotline: 02439.138.999



▶ HOA VĂN CỬA TẦNG



HNE&E - HVCT25



HNE&E - HVCT26



HNE&E - HVCT27



HNE&E - HVCT28



HNE&E - HVCT29



HNE&E - HVCT30



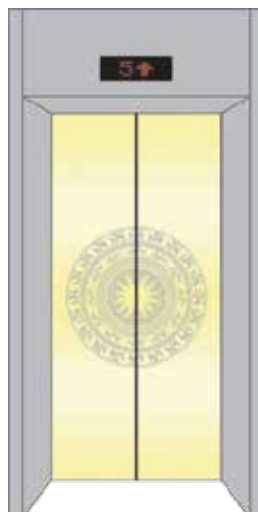
HNE&E - HVCT31



HNE&E - HVCT32



HNE&E - HVCT33



HNE&E - HVCT34



HNE&E - HVCT35



HNE&E - HVCT36



HNE&E - HVCT37



HNE&E - HVCT38



HNE&E - HVCT39



HNE&E - HVCT40



HNE&E - HVCT41



HNE&E - HVCT42



HNE&E - HVCT43



HNE&E - HVCT44



HNE&E - HVCT45



HNE&E - HVCT46

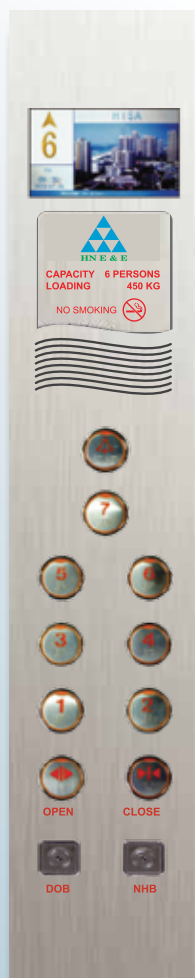


HNE&E - HVCT47

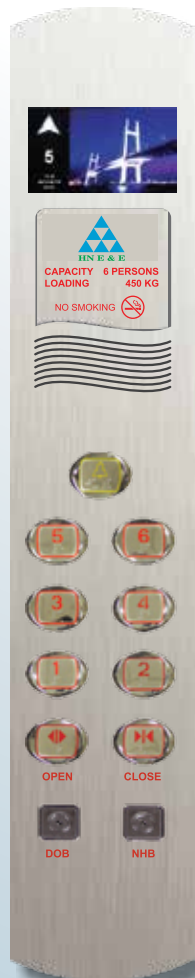


HNE&E - HVCT48

NÚT BẤM THANG MÁY



HNE&E - NB01



HNE&E - NB02



HNE&E - NB03



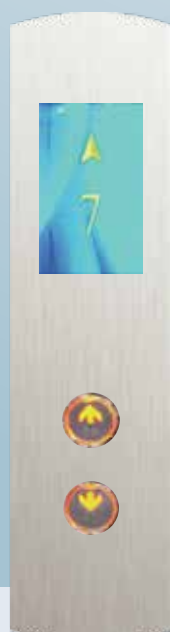
HNE&E - NB04



HNE&E - NB05



HNE&E - NB06



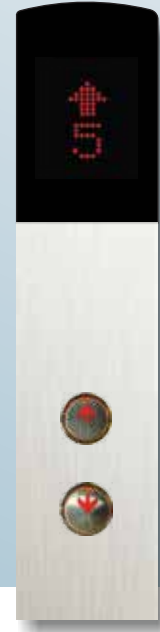
HNE&E - NB07



HNE&E - NB08



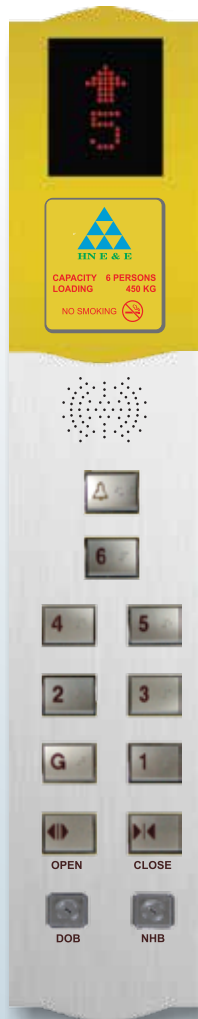
HNE&E - NB09



HNE&E - NB10



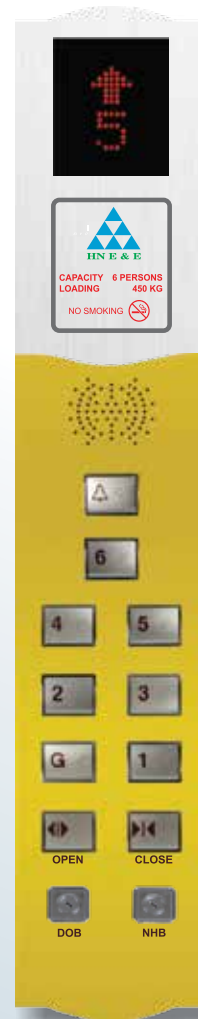
HNE&E - NB11



HNE&E - NB12



HNE&E - NB13

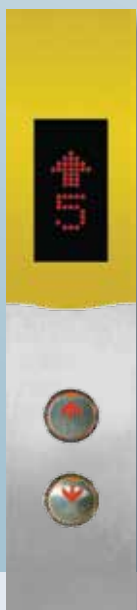


HNE&E - NB14



HNE&E - NB15

Hotline: 02439.138.999



HNE&E - NB16



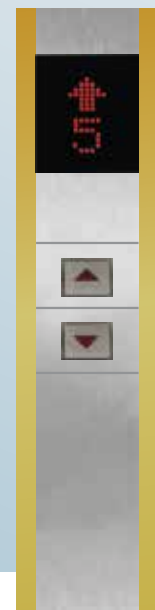
HNE&E - NB17



HNE&E - NB18



HNE&E - NB19



HNE&E - NB20

▶ TRẦN THANG MÁY



HNE&E - TTM01



HNE&E - TTM02



HNE&E - TTM03



HNE&E - TTM04



HNE&E - TTM05



HNE&E - TTM06



HNE&E - TTM07



HNE&E - TTM08



HNE&E - TTM09



HNE&E - TTM10



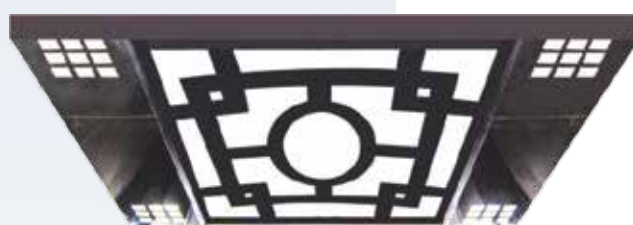
HNE&E - TTM11



HNE&E - TTM12



HNE&E - TTM13



HNE&E - TTM14



HNE&E - TTM15



HNE&E - TTM16

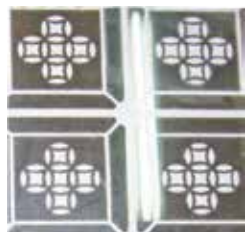


HNE&E - TTM17



HNE&E - TTM18

MẪU CỬA HOA VĂN VÀ GIẢ VÂN GỖ



HNE&E - HV01



HNE&E - HV02



HNE&E - HV03



HNE&E - HV04



HNE&E - HV05



HNE&E - HV06



HNE&E - HV07



HNE&E - HV08



HNE&E - HV09



HNE&E - HV10



HNE&E - HV11



HNE&E - HV12



HNE&E - HV13



HNE&E - HV14



HNE&E - HV15



HNE&E - HV16

MẪU ĐÁ LÁT SÀN VÀ TAY Vịn

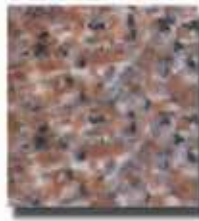
Sàn đá Granite



HNE&E - SD01
Trống Núi Le



HNE&E - SD02
Vàng Bình Định



HNE&E - SD03
Hồng Gia Lai



HNE&E - SD04
Đỏ Bình Định



HNE&E - SD05
Trống Bình Định



HNE&E - SD06
Nâu Khánh Hòa

Sàn đá Granite ghép

Tay vịn



HNE&E - TV01



HNE&E - TV02



HNE&E - TV03



HNE&E - TV04



HNE&E - SD07



HNE&E - SD08



HNE&E - SD09



HNE&E - SD10



HNE&E - SD11



HNE&E - SD12



HNE&E - DS02



HNE&E - DS02



Đá ghép: Trống viền đen



THANG MÁY TẢI KHÁCH

Thiết kế sáng tạo cho chuyển động không ngừng

Tiết kiệm không gian sinh sống:

Tùy chỉnh kích thước hố thang theo đặc thù công trình

Vận chuyển trơn tru:

Đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe nhất về thang máy, tận hưởng trải nghiệm chính xác và thoải mái hàng ngày

Công nghệ xanh:

Công nghệ tiết kiệm điện năng tối đa, hạn chế tiếng ồn, thân thiện với người sử dụng

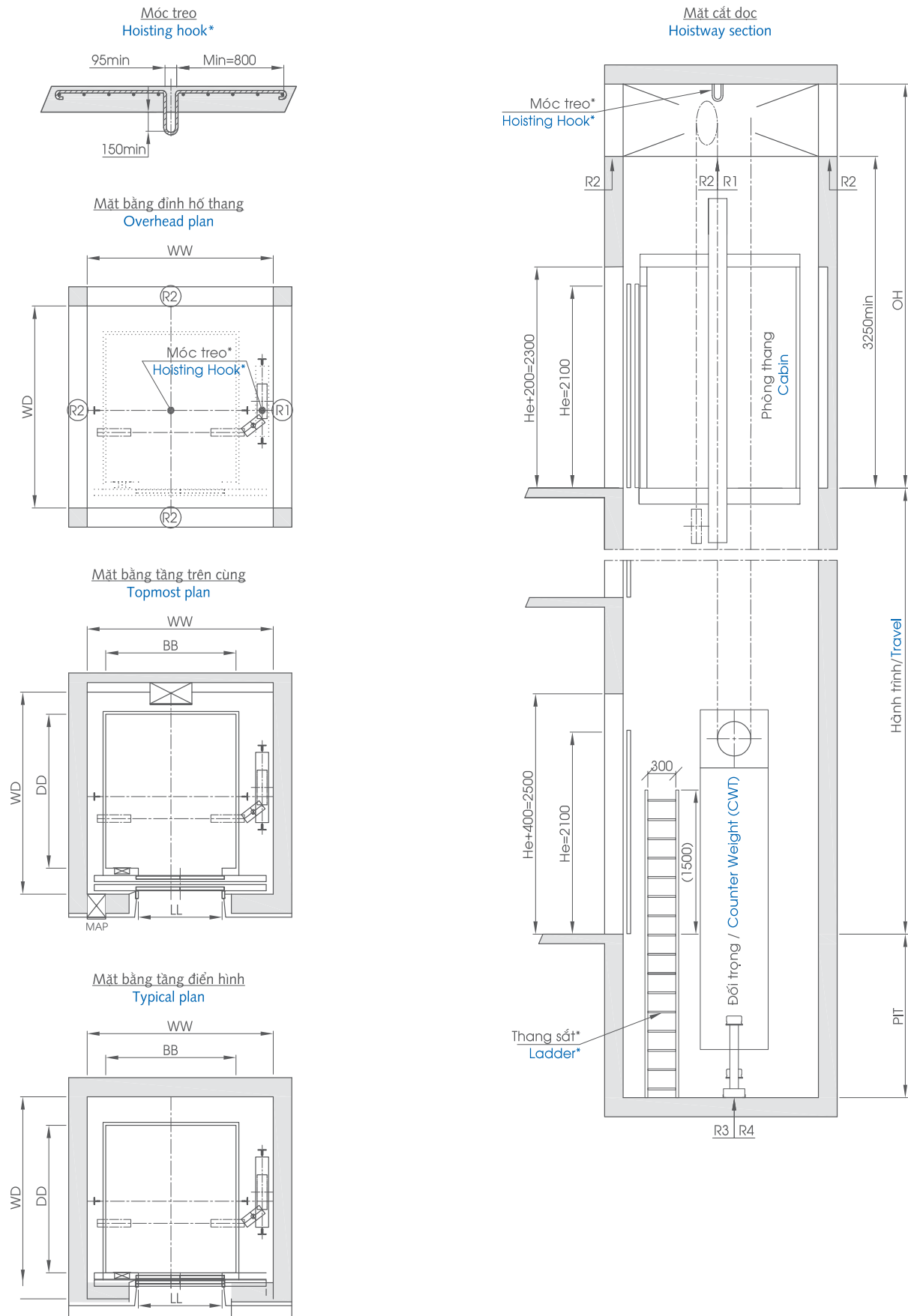
Thiết kế đẹp mắt:

Nội thất phong phú với hàng trăm mẫu mã, kiểu cách, vật liệu, mang phong cách riêng, độc đáo.

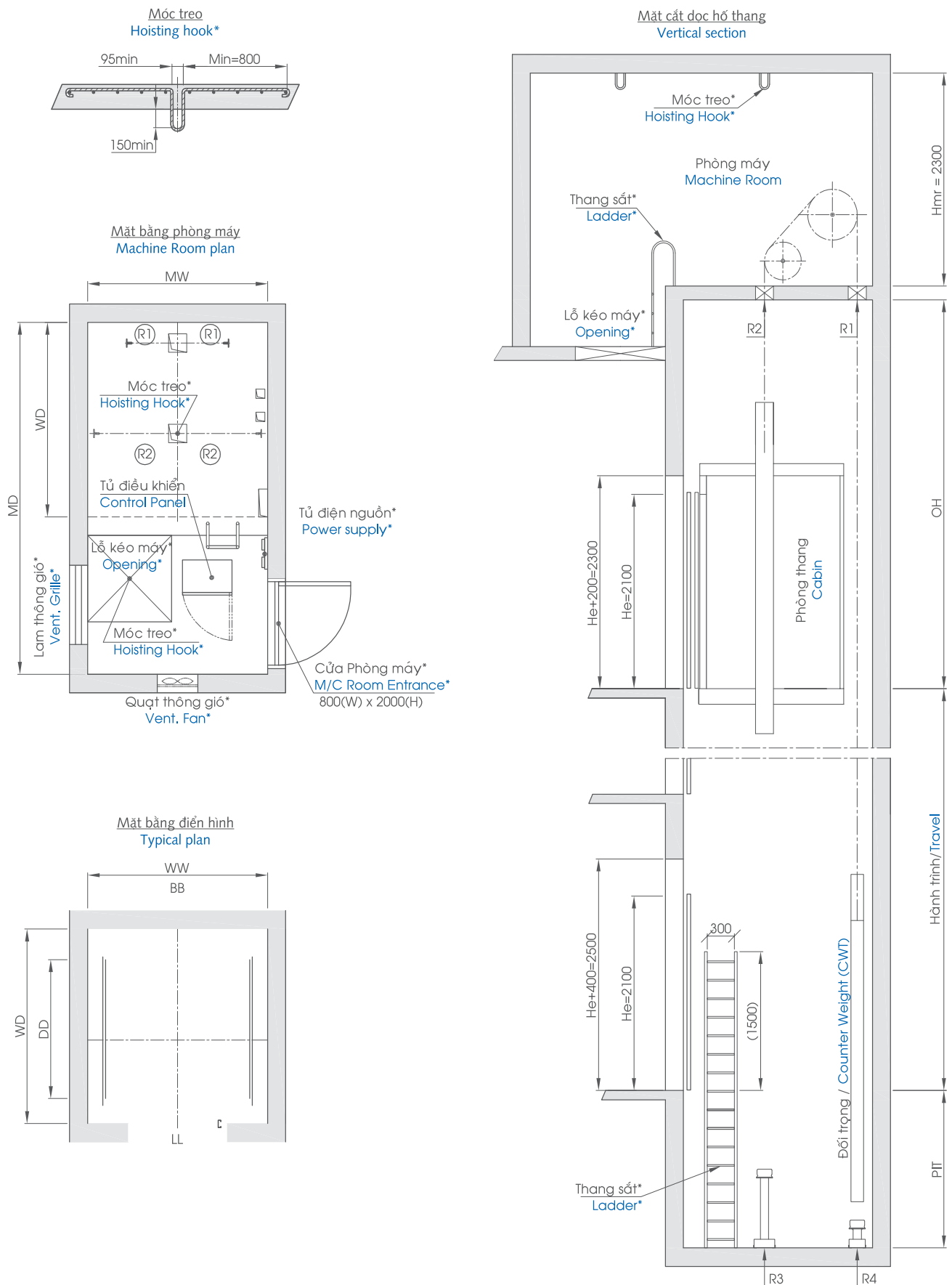
Thông số chung

Tải trọng	350 kg – 2500 kg (5- 35 người)
Cửa mở một phía, mở từ tâm	Màn tia hồng ngoại
Độ rộng cửa	700 mm, 800 mm, 900 mm, 1000 mm
Chiều cao cửa	2000 mm, 2100 mm
Tốc độ	1.0m/s, 1.5 m/s, 1.75m/s, 2.0m/s
Động cơ, máy kéo	Động cơ không hộp số, hệ điều khiển tốc độ vô cấp bằng hệ thống thay đổi điện áp và tần số VVVF.
Nội thất	inox sọc ngẫu nhiên, inox hoa văn, inox gương, tôn phun sơn

BẢN VẼ THANG MÁY KHÔNG PHÒNG MÁY



BẢN VẼ THANG MÁY CÓ PHÒNG MÁY



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Bảng tiêu chuẩn kỹ thuật thang tải khách có phòng máy

Mã hiệu	Tải trọng	Người	Tốc độ	Kích thước (mm)				
				Cửa mở JJ	Cabin BBxDD	Hố thang WWxWD		OH/Pit
	Kg		m/phút			Đối trọng đặt phía sau	Đối trọng đặt bên hông	
P4	350	5	60	700	1100x900	1500x1500	1800x1250	4000/1400
			90		1100x1000	1500x1600	1800x1350	4200x1500
P6	450	6	60	700	1200x1000	1600x1600	1900x1350	4000/1400
				750	1300x1000	1700x1600	2000x1350	
			90	800	1400x900	1800x1500	2100x1250	4200/1500
					1400x1000	1800x1600	2100x1350	
P8	600	8	60	800	1400x1100	1800x1700	2100x1450	4200/1500
			90	850	1400x1200	1800x1800	2100x1550	4500/1600
				900	1400x1300	1900x1900	2100x1650	
P10	750	10	60	800	1400x1100	1800x1700	2100x1450	4200/1500
			90	850	1400x1200	1800x1800	2100x1550	4500/1600
				900	1400x1350	1900x2000	2100x1650	
P15	1000	15	60	900	1600x1500	2000x2100	2400x1850	4200/1500
			90	950	1700x1600	2100x2200	2500x1950	4500/1600
				1000	1800x1700	2200x2400	2600x2050	
P20	1500	20	60	1000	1800x1800	2300x2500	2600x2200	4300/1600
			90	1100	1900x1900	2400x2600	2700x2300	4500/1600
				1200	2000x2000	2500x2700	2800x2400	

Bảng tiêu chuẩn kỹ thuật thang tải khách không phòng máy

Mã hiệu	Tải trọng	Người	Tốc độ	Kích thước (mm)					
				Cửa mở JJ	Cabin BBxDD	Hố thang WWxWD		OH/Pit	
	Kg		m/phút			Đối trọng đặt phía sau	Đối trọng đặt bên hông	Đối trọng đặt phía sau	Đối trọng đặt bên hông
P4	350	5	60	700	1100x900	1500x1500	1800x1250	3800/1400	3500/1400
			90		1100x1000	1500x1600	1800x1350	3900x1500	3600/1500
P6	450	6	60	700	1200x1000	1600x1600	1900x1350	3800/1400	3600/1400
				750	1300x1000	1700x1600	2000x1350		
			90	800	1400x900	1800x1500	2100x1250	3900/1500	3700/1500
					1400x1000	1800x1600	2100x1350		
P8	600	8	60	800	1400x1100	1800x1700	2100x1450	4000/1500	3700/1500
			90	850	1400x1200	1800x1800	2100x1550	4200/1600	3900/1600
				900	1400x1300	1900x1900	2100x1650		
P10	750	10	60	800	1400x1100	1800x1700	2100x1450	4000/1500	3700/1500
			90	850	1400x1200	1800x1800	2100x1550	4200/1600	3900/1600
				900	1400x1350	1900x2000	2100x1650		
P15	1000	15	60	900	1600x1500	2000x2100	2400x1850	4200/1500	3900/1500
			90	950	1700x1600	2100x2200	2500x1950	4400/1600	4100/1600
				1000	1800x1700	2200x2400	2600x2050		
P20	1500	20	60	1000	1800x1800	2300x2500	2600x2200	4300/1600	4100/1600
			90	1100	1900x1900	2400x2600	2700x2300	4500/1600	4200/1600
				1200	2000x2000	2500x2700	2800x2400		

▶ THANG MÁY QUAN SÁT



Thang quan sát HN E&E là điểm sáng kiến trúc cho các tòa cao ốc, trung tâm thương mại sang trọng và hiện đại. Thang quan sát HN E&E sử dụng điều khiển tốc độ vô cấp, bằng hệ thống biến đổi tần số và điện áp (VVVF), giúp tiết kiệm điện năng, dừng tầng chính xác, êm ái, an toàn, thỏa mái cho khách hàng.



Hotline: 02439.138.999



HNE&E - QS01



HNE&E - QS02



HNE&E - QS03

Bảng tiêu chuẩn kỹ thuật thang lồng kính có phòng máy

Mã hiệu	Tải trọng	Người	Tốc độ	Kích thước (mm)			
	Kg		m/phút	Cửa mở JJ	Cabin BBxDD	Hố thang WWxWD	OH/Pit
P8	600	8	60	700x2100	1200x1200	1650x1600	4200x1500
							4400x1600
P10	750	10	60	800x2100	1400x1350	1850x2000	4200x1500
			90				4400x1600
P15	1000	15	60	800x2100	1400x1500	1850x2100	4200x1500
			90				4400x1600

Bảng tiêu chuẩn kỹ thuật thang lồng kính không phòng máy

Mã hiệu	Tải trọng	Người	Tốc độ	Kích thước (mm)			
	Kg		m/phút	Cửa mở JJ	Cabin BBxDD	Hố thang WWxWD	OH/Pit
P8	600	8	60	700x2100	1200x1200	2000x1800	4600x1500
							4800x1600
P10	750	10	60	800x2100	1400x1350	2200x2000	4600x1500
			90				4800x1600
P15	1000	15	60	800x2100	1400x1500	2200x2100	4600x1500
			90				4800x1600

▶ THANG MÁY TẢI HÀNG VÀ Ô TÔ

Đột phá trong hiệu năng sử dụng

▶ Không gian rộng hơn, vận chuyển nhiều hàng hóa hơn

▶ Độ an toàn cao

▶ Động cơ hoạt động êm ái, hạn chế tối đa tiếng ồn

▶ Vận hành ổn định, giảm thiểu tối đa chi phí duy trì hoạt động thang

Thông số chung

Tải trọng	750 kg – 5000 kg
Cửa mở một phía, mở từ tâm, cửa mở 3 cánh	Màn tia hồng ngoại
Độ rộng cửa	
Chiều cao cửa	2000 mm, 2100 mm
Tốc độ	0.5m/s, 1.0m/s
Chiều sâu đáy giếng thang	1250mm-1800mm
Đổi trọng	

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Loại có phòng máy

Thông số kỹ thuật

Tốc độ Speed (m/min)	Kiểu Type	Tải trọng Capacity (kG)	Khoảng mở Entrance width LL x He (mm)	Kích thước cabin Car Size BB x DD x CH (mm x mm)	K.thước giếng thang Hoistway Size WW x WD (mm x mm)	Chiều sâu đáy giếng thang PIT Depth (mm)	Chiều cao đỉnh giếng thang OH Overhead (mm)	K.thước phòng máy M/C Room Size MW x MD x Hmr (mm x mm)
30 - 45	F1000-2S	1000	1100 x 2100	1600 x 1500 x 2300	2400 x 2000	1500	4200	2400 x 2000 x 2200
	F1000-4PCO							
	F1500-4PCO	1500	1300 x 2100	1800 x 1900 x 2350	2600 x 2500	1500	4200	2600 x 2500 x 2200
	F2000-4PCO	2000	1600 x 2100	1900 x 2200 x 2350	2850 x 2900			2850 x 2900 x 2200
	F2500-4PCO	2500	1800 x 2100	2000 x 2500 x 2350	3050 x 3100	1700	4400	3050 x 3100 x 2200
	F3000-6PCO	3000	2000 x 2100	2200 x 2600 x 2350	3250 x 3600			3250 x 3600 x 2200
	F3500-6PCO	3500	2200 x 2100	2300 x 2800 x 2350	3400 x 3700			3400 x 3700 x 2200
	F4000-6PCO	4000		2300 x 3150 x 2350	3400 x 4000			3400 x 4000 x 2200
	F5000-6PCO	5000	2400 x 2100	2500 x 3500 x 2350	3700 x 4200			3700 x 4200 x 2200

Lưu ý

- Các kích thước chỉ áp dụng trong trường hợp khung đối trọng đặt bên hông
- Cửa lùa đứng (2U, 3U) chỉ áp dụng cho thang có tải trọng lớn hơn 2000kg, cần khoảng mở và chiều cao tầng lớn

Loại không phòng máy

Thông số kỹ thuật

Tốc độ Speed (m/min)	Kiểu Type	Tải trọng Capacity (kG)	Khoảng mở Entrance width LL x He (mm)	Kích thước cabin Car Size BB x DD x CH (mm x mm)	K.thước giếng thang Hoistway Size WW x WD (mm x mm)	Chiều sâu đáy giếng thang OH PIT Depth (mm)	Chiều cao đỉnh giếng thang Overhead (mm)
30 - 45	WF1000-2S	1000	1100 x 2100	1600 x 1500 x 2300	2400 x 2000	1500	4200 (4500*)
	WF1000-4PCO						
	WF1500-4PCO	1500	1300 x 2100	1800 x 1900 x 2350	2600 x 2400	1700	4500
30*	WF2000-4PCO*	2000	1600 x 2100	1900 x 2200 x 2350	2950 x 2700		
	WF2500-4PCO*	2500	1800 x 2100	2000 x 2500 x 2350	3300 x 3000		
	WF3000-6PCO*	3000	2000 x 2100	2200 x 2600 x 2350	3500 x 3100		
	WF4000-6PCO*	4000	2200 x 2100	2300 x 2800 x 2350	3700 x 3300		

Lưu ý

- (*) Tỷ số truyền
- Cửa lùa đứng (2U, 3U) chỉ áp dụng cho thang có tải trọng lớn hơn 2000kg, cần khoảng mở và chiều cao tầng lớn



Thang tải hàng có người đi - 3000kg



Các vách inox sọc nhuyễn -
có gắn thanh chống va đập



Tải hàng có người đi - 3000kg





Thiết kế và sản xuất thang tải ô tô 750-5000Kg

Type loại	Capacity Tải trọng (kg)	Speed (m/min) Tốc độ (m/phút)	Entrance (WxH) Cửa (Rộng x cao)	Car internal KT Cabin (AxH)	Hoistway Giếng thang			Machine room KT Phòng máy (AB x BM x HM)	Reaction / Lực (kg)			
					(X x Y)	OH	PIT		R1	R2	R3	R4
C2000-RD	2000	30	2400 x 2100	2400 x 5200	3600 x 6000	4600	1500	5000 x 6000 x 2500	5000	5000	7000	6000
C2400-RD	2400	30	2400 x 2100	2600 x 5500	4000 x 6600	4600	1500	5500 x 6800 x 2500	7000	6000	8500	7500
C2500-RD	3000	30	2800 x 2100	2800 x 6000	4100 x 6800	4600	1500	5500 x 6800 x 2500	7000	6000	8500	7500

THANG MÁY BỆNH VIỆN

Hotline: 02439.138.999

Thông số chung

Tải trọng	750 kg – 1600 kg
Cửa mở một phía, mở từ tâm, cửa mở 3 cánh, Cửa mở 4 cánh	Màn tia hồng ngoại
Chiều cao cửa	2000 mm, 2100 mm
Tốc độ	1.0m/s, 1.5m/s, 1.75m/s
Chiều sâu đáy giếng thang	1250mm-1800mm
Đối trọng	Hồng
Điểm dừng	2-30 stop
Động cơ	

Thang tải bệnh viện HN E&E là sự kết hợp hoàn hảo giữa công nghệ tiên tiến nhất với tiêu chuẩn an toàn tuyệt đối. Đây là phương tiện hỗ trợ đắc lực trong việc di chuyển kịp thời để phục vụ bệnh nhân. Loại thang máy chuyên dùng cho bệnh viện (Hospital life) có diện tích phòng thang theo tiêu chuẩn đáp ứng việc chuyên chở cáng và băng ca theo yêu cầu của các bệnh viện.

Thang máy được trang bị các thiết bị an toàn:

➤ Bộ giới hạn vận tốc

➤ Hệ thống thắng cơ

➤ Hệ thống chuông và tín hiệu báo quá tải

➤ Mạch bảo vệ quá dòng, mất pha, ngược pha

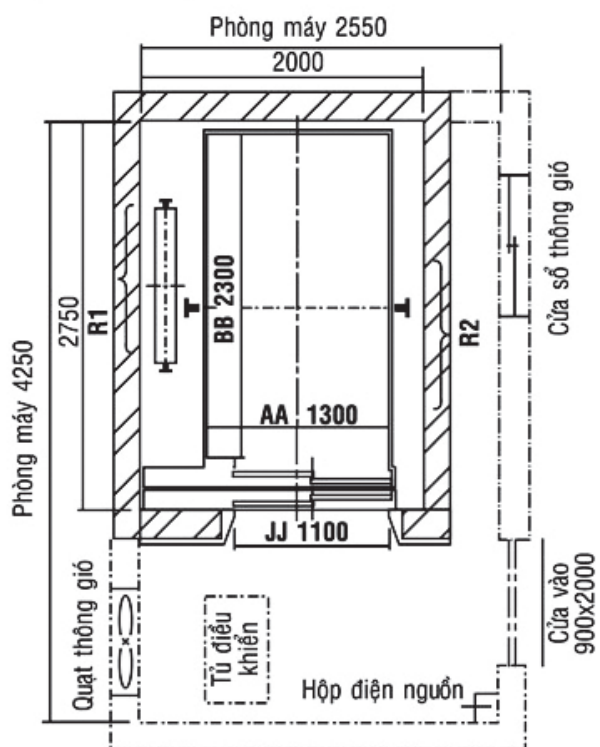
➤ Chuông cấp cứu và intercom liên lạc với bên ngoài

➤ Đèn cấp cứu khi mất điện (chiếu sáng trong 30 phút)

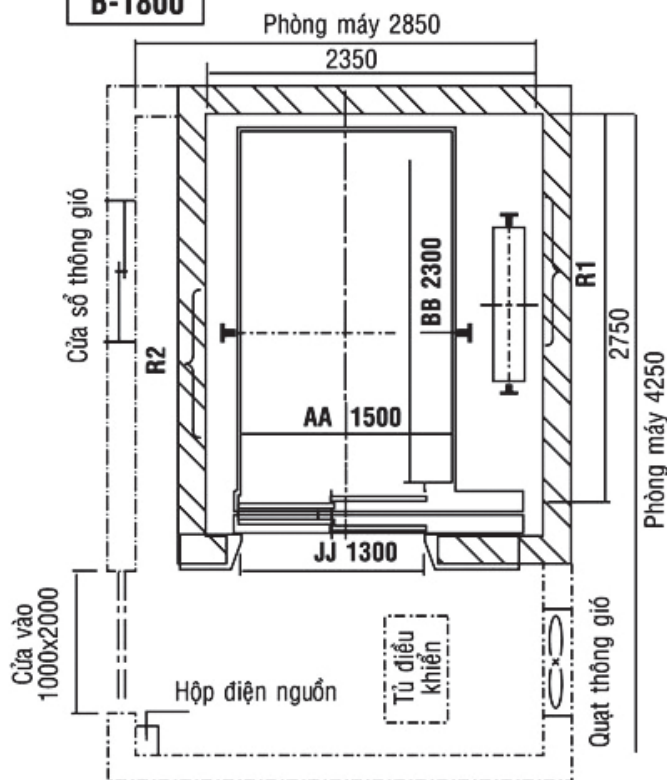
➤ Khóa an toàn, liên động với cabin, có tiếp điểm điện kiểm soát khóa.

➤ Bộ cứu hộ tự động ARD: Khi nguồn điện chính bị mất đột ngột, thiết bị này sẽ tự động đưa thang đến tầng gần nhất và mở cửa để cho khách ra ngoài. Nguồn điện dự trữ sẽ tự động nạp lại khi có điện.

B-1350



B-1800



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tốc độ Speed (m/min)	Kiểu Type	Tải trọng Capacity (kg)	Chiều rộng cửa tầng LL (mm)	K.thước cabin Car size BB x DD (mm x mm)	K.thước giằng thang Shaft Size WW x WD (mm x mm)	Chiều sâu đáy Giằng thang PIT Depth (mm)	Chiều cao đỉnh Giằng thang Overhead (mm)	Phản lực Reactors (kg)			
								R1	R2	R3	R4
60	MRL-P15-2S60	1000	1000	1100 X 2100	2150X2800 (SEC) 2150X3000 (TTC)	1550	4200	8900	6000	10800	8800
	MRL-P20-2S60	1350	1100	1300 X 2300	2150X2800 (SEC) 2150X3000 (TTC)			8900	6000	10800	8800
	MRL-P22-2S60	1500	1200	1400 X 2300	2250X2800 (SEC) 2250X3000 (TTC)			9600	6500	11500	9500
	MRL-P24-2S60	1600		1500 X 2300	2350X2800 (SEC) 2350X3000 (TTC)			10200	7000	12700	10200
90	MRL-P15-2S90	1000	1000	1100 X 2100	2200X2800 (SEC) 2200X3000 (TTC)	1600	4400	10000	8250	12000	10000
	MRL-P20-2S90	1350	1100	1300 X 2300	2200X2800 (SEC) 2200X3000 (TTC)			10000	8250	12000	10000
	MRL-P22-2S90	1500	1200	1400 X 2300	2300X2800 (SEC) 2300X3000 (TTC)			11000	8500	13500	11500
	MRL-P24-2S90	1600		1500 X 2300	2400X2800 (SEC) 2400X3000 (TTC)			11550	8700	15000	12700

THANG MÁY HOME LIFT



Thang máy HOME LIFT là phương án tối ưu nhất cho các tòa nhà tư nhân cần cải tạo nhưng hạn chế về không gian lắp đặt.



▶ THANG MÁY CHỞ HÀNG



Thang máy tải Thực Phẩm HN E&E là phù hợp nhất cho việc vận chuyển các đồ dùng của nhà bếp, các loại thức ăn, thức uống trong các Nhà Hàng, Khách Sạn, những vật dụng hàng hóa đơn giản trong các Siêu Thị, Trung tâm Thương Mại, những vật dụng đơn giản như Hồ Sơ, Sách, Báo trong các Ngân Hàng, Thư Viện, Văn Phòng, v.v...



Hotline: 02439.138.999



* Sản xuất theo nhu cầu sử dụng của Khách Hàng về tải trọng, kích thước, tốc độ...



▶ ĐỘNG CƠ THANG MÁY

MÁY KÉO WITTUR, SẢN XUẤT TẠI ĐỨC

Capacity: 300Kg - 1000Kg 2:1

Elevator speed: 0,5m/s - 1,75m/s



WSG-S1



WSG-S2.1/2



WSG-S2.3



WSG-S3

MÁY KÉO HAISUNG, SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC



WSG-S3

Capacity:
450Kg - 600Kg

Elevator speed:
0,75m/s - 2,0m/s



HS-130K

Capacity:
550Kg - 700Kg

Elevator speed:
0,75m/s - 1m/s

MÁY KÉO SHARP CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN, SẢN XUẤT TẠI ẤN ĐỘ



MÁY KÉO TORIN CÔNG NGHỆ MỸ, SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



MÁY KÉO MITSUBISHI CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN, SẢN XUẤT TẠI THÁI LAN



MÁY KÉO KDS CÔNG NGHỆ MỸ, SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



WJ

Capacity:
320Kg - 1000Kg 2:1

Elevator speed:
0,63m/s - 1,75m/s



WR

Capacity:
450Kg - 2000Kg 2:1

Elevator speed:
1,0m/s - 1,75m/s

MÁY KÉO MONTANARI, SẢN XUẤT TẠI Ý



MG 250

Static load 3.400Kg. pulley Ø 240mm
Load up to 1.000Kg, 2:1, 2,0m/s



MGF51



MGV25S



MGX80



Động cơ Fuji - Malaysia



Động cơ Nippon - Malaysia



Động cơ ZIEHL - ABEGG - Đức

▶ TỦ ĐIỆN THANG MÁY



Tủ điện FUJI



Tủ điện NIPPON





PLC: ABB (Phần Lan)



PLC - Mitsubishi (Nhật Bản)



Bộ vi xử lý STEP (Loại thể hệ mới dùng cho thang tốc độ cao từ 80m/p trở lên)



Bộ điều khiển
Nippon - Malaysia



VVVF:FUJI - JAPAN (Nhật Bản)
(Loại chuyên dùng cho thang máy)



VVVF:YASKAWA - JAPAN (Nhật Bản)
(Loại chuyên dùng cho thang máy)

▶ TÍNH NĂNG VÀ CÁCH VẬN HÀNH THANG MÁY

Cứu hộ tự động	Khi mất điện lưới, cabin thang máy sẽ được chiếu sáng bằng nguồn điện dự phòng và tự động di chuyển đến tầng gần nhất để mở cửa cho hành khách ra ngoài. Hệ thống này tự chọn chiều nhẹ tải để vận hành.
Điều chỉnh thời gian giữ cửa ở trạng thái mở	Có thể cài đặt thời gian mặc định giữ cửa thang máy ở trạng thái mở tùy theo đặc thù sử dụng của từng công trình hoặc giữ cửa ở trạng thái mở khi ấn nút mở cửa trong cabin; ấn nút gọi ngoài cửa tầng; chắn màn hồng ngoại.
Điều chỉnh thời gian giữ cửa ở trạng thái mở	Hệ thống bảo vệ này sẽ tự động kiểm tra dòng điện. Nếu vượt quá dòng điện cho phép, hệ thống sẽ phát tín hiệu báo lỗi.
Chức năng đóng cửa lặp lại	Khi cửa không thể đóng hoàn toàn do lỗi cơ khí, hoạt động này được lặp lại. Nếu hiện tượng không thể đóng cửa xảy ra nhiều lần, thang sẽ báo lỗi để đảm bảo an toàn.
Cảm biến cửa Car	Hệ thống cảm biến hồng ngoại kiểm soát và phát hiện vật cản trước và trong quá trình đóng cửa. Nếu trong quá trình đóng cửa mà hành khách mới bước vào cabin, cửa thang máy sẽ tự động mở lại.
Đảm bảo tốc độ mặc định	Chức năng này đảm bảo cho vận tốc cabin nằm trong phạm vi an toàn (độ mặc định), khi có hiện tượng vượt quá tốc độ an toàn thang máy sẽ được hãm lại bởi hệ thống phanh tự động để đảm bảo an toàn.
Bảo vệ khi Encoder bị lỗi	Encoder được dùng trong hệ thống điều khiển hồi tiếp (vòng kín). Thang sẽ dừng lại trong trường hợp nguy hiểm (khi tốc độ cao ở cuối hành trình do Encoder bị hư).
Chiếu sáng khẩn cấp Cabin	Nguồn điện dự phòng được nạp tự động, tự động chiếu sáng khẩn cấp khi điện lưới có sự cố. Nguồn điện này có khả năng chiếu sáng liên tục trong vòng 60 phút.
Phục vụ độc lập	Phục vụ độc lập cho tầng được cài đặt hoặc phục vụ ưu tiên trong các trường hợp đặc biệt
Bảo vệ giới hạn cuối	Công tắc giới hạn cuối, công tắc giới hạn chiếu, công tắc giảm tốc là các thiết bị an toàn để bảo vệ thang và hành khách.
Điều khiển tập hợp hai chiều	Đáp ứng tất cả tín hiệu gọi tầng trong cabin và ngoài cửa tầng theo chiều mà thang đang chạy; lưu giữ các tín hiệu gọi ngược chiều để phục vụ ở hành trình ngược lại.
Báo quá tải	Khi số người trong thang vượt quá tải trọng định mức, sẽ có tín hiệu âm thanh phát ra, cửa mở. Thang không hoạt động cho đến khi giảm bớt số lượng hành khách trong thang.
Intercom	Hệ thống điện thoại nội bộ được gắn trong bảng điều khiển cabin cho phép liên lạc giữa hành khách trong thang máy với bên ngoài khi cần thiết.

Khóa thang	Công tắc khoá được gắn trên bảng điều khiển tầng chính. Khi bật sang vị trí “OFF” thang máy sẽ tạm dừng hoạt động cho tới khi nào thang được bật trở lại vị trí “ON”.
Chuông báo dừng tầng	Tín hiệu âm thanh phát ra để nhắc nhở hành khách khi thang chuẩn bị dừng tầng.
Tự động cập nhật thông số động cơ	Hệ thống lưu giữ tín hiệu sẽ tự động cập nhật và lưu giữ thông số hoạt động của động cơ. Việc này giúp quá trình xử lý tín hiệu nhanh hơn, đồng thời dễ dàng tìm ra nguyên nhân nếu xảy ra các lỗi khi vận hành.
Chức năng bảo vệ chống đảo chiều	Hệ thống này sẽ giám sát chiều hoạt động của thang. Nếu chiều thang hoạt động không cùng với chiều được điều khiển, thang sẽ báo lỗi.
Chức năng điều chỉnh tự động vị trí cabin	Mỗi khi thang chạy đến tầng trên cùng hoặc tầng thấp nhất, hệ thống này sẽ kiểm tra và điều chỉnh thông tin liên quan đến vị trí cabin. Đồng thời, dựa vào sự giảm tốc cưỡng bức để loại bỏ các lỗi ở cuối hành trình.
Tự cập nhật thông số hồ thang	Tủ điều khiển có thể cập nhật thông số hồ thang bằng cách chạy tự động. Những thông tin như: số tầng, chiều cao tầng, đặc tuyến khởi động, lực hãm dừng tầng... sẽ được tự động cập nhật.
Hiển thị thông tin	Hiển thị DIGITAL MATRIX (ma trận), hiển thị thông tin như: vị trí tầng, dừng thang, chế độ chạy kiểm tra, cứu hộ...
Chế độ chạy kiểm tra	Bật công tắc trên hộp điều khiển đầu cabin sang chế độ chạy kiểm tra “inspection”, thì sự hoạt động của cabin không ảnh hưởng bởi các cảm biến dọc hồ kể cả dừng tầng và sự hoạt động của cửa.
Tự động Reset khi nguồn điện được cung cấp lại	Khi nguồn điện lưới bị lỗi và được cung cấp lại, thang máy sẽ tự khởi động trở lại và vận hành bình thường.
Bảo vệ không chạy quá hành trình	Các công tắc hành trình được gắn để đảm bảo thang không thể chạy vượt quá hành trình.
Cửa thoát hiểm	Khi trường hợp toàn bộ thiết bị thang máy không hoạt động thì cửa thoát hiểm chính là trần cabin.
Cứu hộ bằng tay	Trường hợp khi thiết bị cứu hộ tự động không hoạt động, thì sẽ sử dụng cứu hộ bằng tay được lắp ở trên động cơ.

03 THANG CUỐN

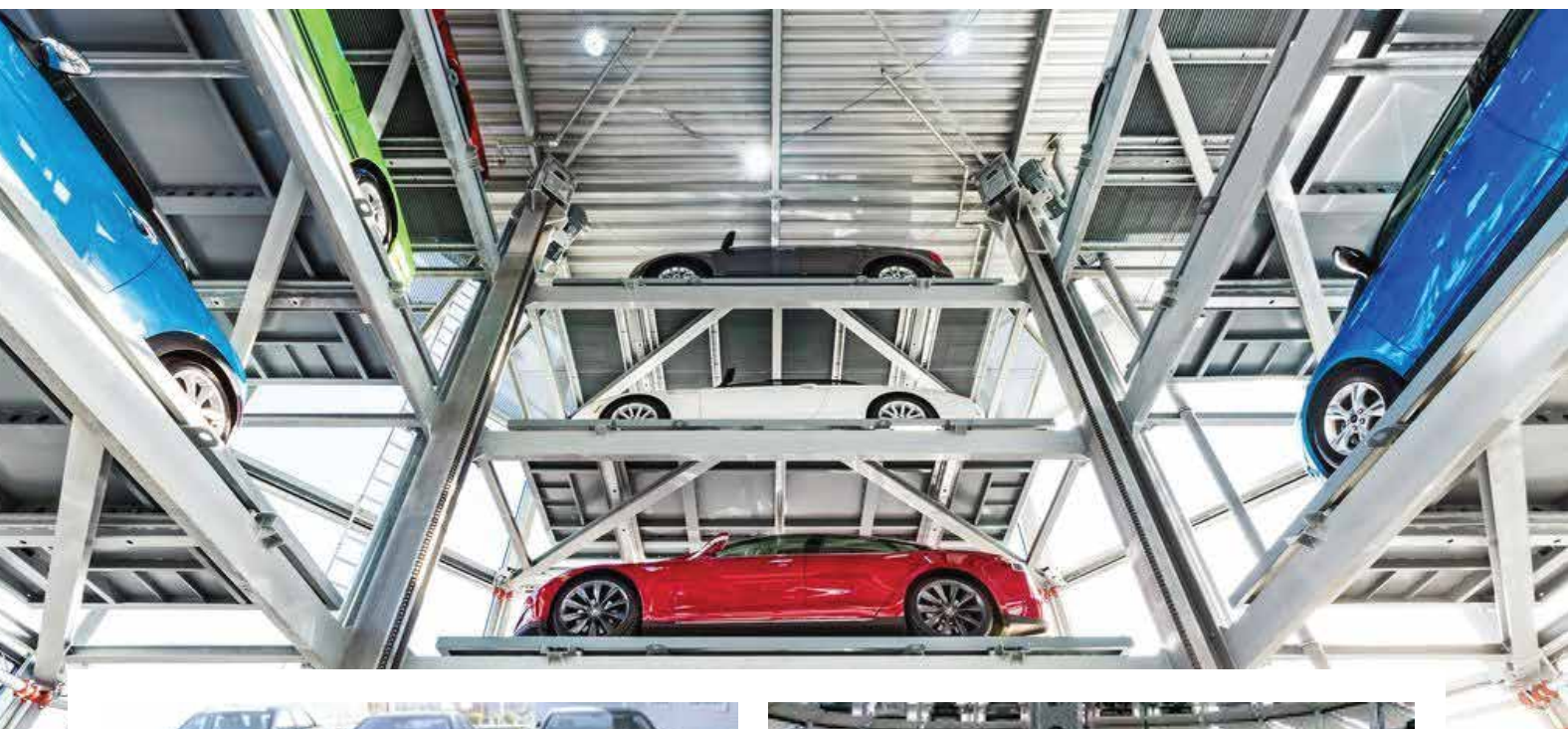
Hotline: 02439.138.999



▶ CÁC BẬC CỦA THANG CUỐN



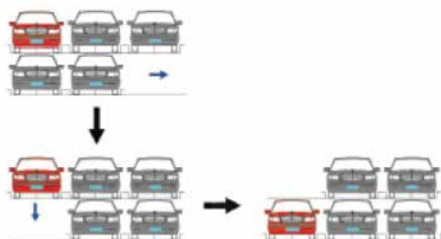
▶ BÃI ĐỖ XE Ô TÔ TỰ ĐỘNG



Hệ thống đỗ xe tự động dạng xếp hình (Gồm: 2 tầng - 3 tầng - 4 tầng - xếp hình bán nổi)

a. Hệ xếp hình 2 tầng (Puzzle 2)

Sơ đồ hoạt động của hệ thống



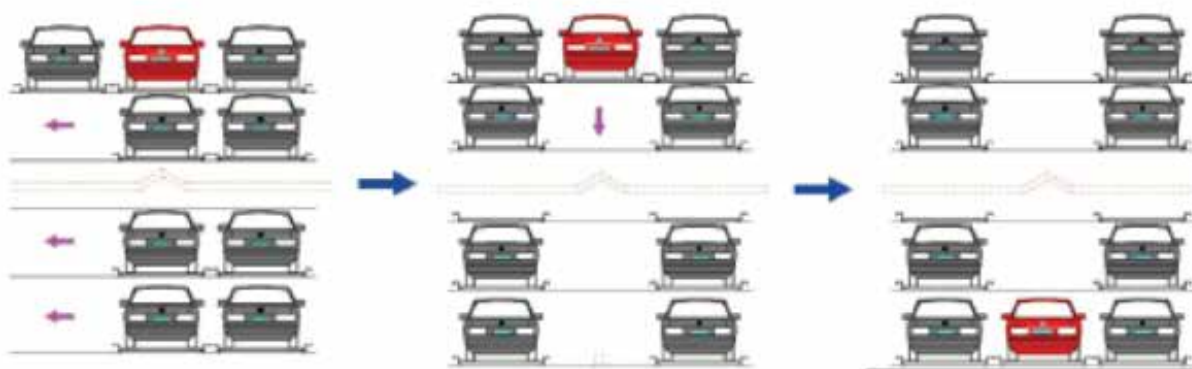
b. Hệ xếp hình 3 tầng (Puzzle 3)

Sơ đồ hoạt động của hệ thống



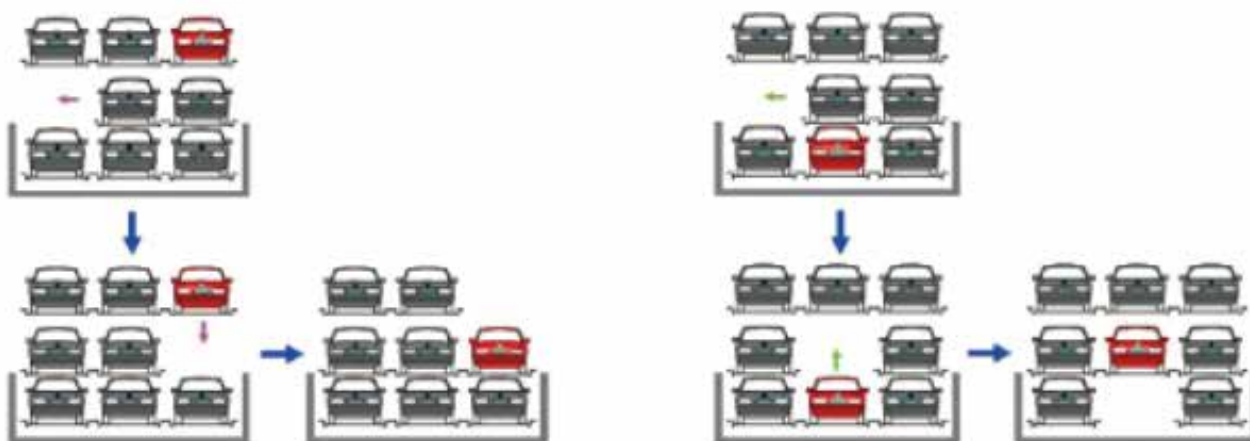
c. Hệ xếp hình 4+ (Puzzle 4+)

Sơ đồ hoạt động của hệ thống



d. Hệ xếp hình bán nổi (Puzzle 3-)

Sơ đồ hoạt động của hệ thống



Đặc tính kỹ thuật thông số kỹ thuật dạng xếp hình

Thông số kỹ thuật của bãi đỗ xe ô tô dạng xếp hình

Thông số xe khả dụng	Model	Xếp hình 2 tầng		Xếp hình 3 tầng		Xếp hình 3 tầng nổi	
		Xe thường	Xe dài	Xe thường	Xe dài	Xe thường	Xe dài
	Kích thước xe	≤5000x1850x1550	≤5300x1900x1550	≤5000x1850x1550	≤5300x1900x1550	≤5000x1850x1550	≤5300x1900x1550
	Trọng lượng xe	≤ 1700kg	≤2350kg	≤ 1700kg	≤ 2000kg	≤ 1700kg	≤2350kg
Không gian yêu cầu	h(mm)					1700	1700
	P(lever)					4~6	4~6
	a(mm)	5470	5770	5850	6150	5900	5900
	b(mm)	3380	3780	3540	3780	3300	3500
	c(mm)	1110	1040	1135	1250	700	700
	d(mm)	755	705	805	705		
	N(mm)	2350	2400	2400	2450	2400	2450
	Chiều cao tiêu chuẩn(mm)	≥ 3600	≥ 3600	≥ 5325	≥ 3600	h*p+3600	h*p+3600
Động cơ	Động cơ nâng/hạ	2.2 Kw	2.2 Kw	2.2 Kw	2.2 Kw	2.2; 3.7KW	2.2; 3.7KW
	Tốc độ trượt	0.2 Kw	0.2 Kw	0.2 Kw	0.2 Kw	0.2 Kw	0.2 Kw
Tốc độ	Tốc độ nâng / hạ	4.5m/min	4.5m/min	4.5m/min	4.5m/min	4.8; 7.0m/min	4.8; 7.0 m/min
	Tốc độ trượt	8.9m/min	8.9m/min	8.9m/min	8.9m/min	6.4; 9.5m/min	6.4; 9.5m/min



Hệ thống đỗ xe dạng cầu nâng: 2 tầng và 3 tầng

a. Hệ cầu nâng 2 tầng dạng đơn

Sơ đồ hoạt động của hệ thống



b. Hệ cầu nâng 3 tầng dạng đơn với hồ hàm

Nguyên tắc hoạt động

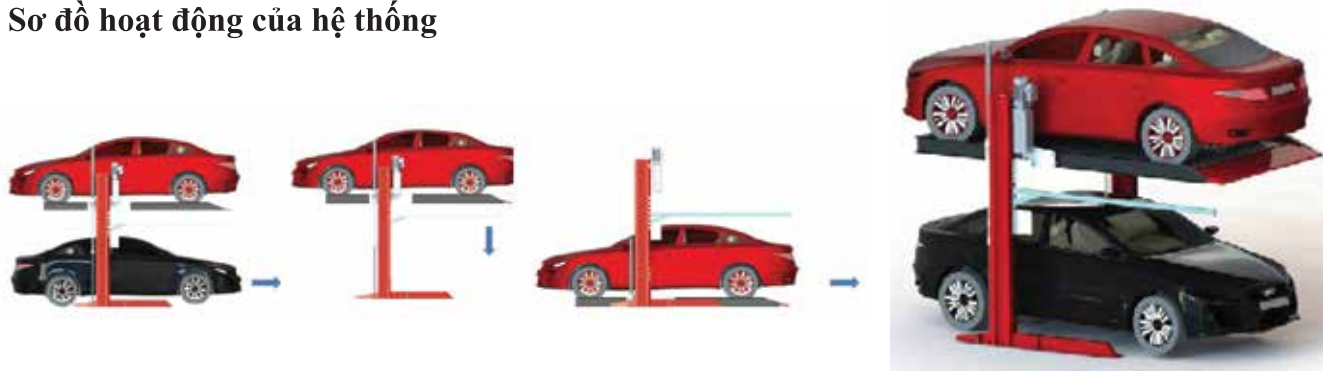


Hệ thống cầu nâng 3 tầng dạng đơn với hố hầm

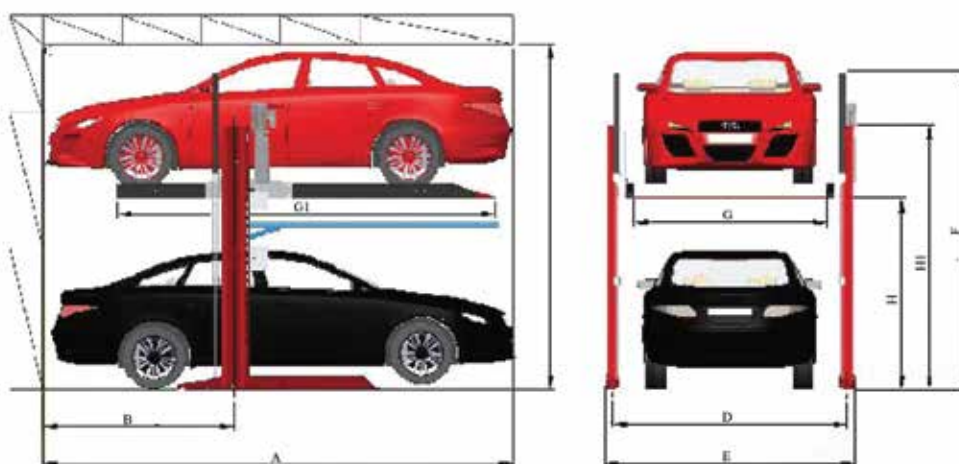
Thông số kỹ thuật

a. Hệ cầu nâng 2 tầng dạng đơn

Sơ đồ hoạt động của hệ thống



Thông số kỹ thuật



THÔNG SỐ XE KHẢ DỤNG	MODEL	XE THƯỜNG	XE DÀI
	Kích thước xe	Dài x Rộng x Cao	Dài x Rộng x Cao
	(mm)	$\leq 5000 \times 1850 \times 1550$	$\leq 5300 \times 1900 \times 1550$
	Trọng lượng xe	$\leq 2300 \text{ Kg}$	$\leq 2700 \text{ Kg}$
KHÔNG GIAN YÊU CẦU	A (mm)	5100	5100
	B (mm)	2070	2070
	C (mm)	≥ 3500	≥ 3500
	D (mm)	2545	2545
	E (mm)	2710	2710
	F (mm)	3500	3500
	G (mm)	2100	2100
	G1 (mm)	4107	4107
	H (mm)	2100	2100
	H1 (mm)	2910	2910
ĐỘNG CƠ	Động cơ nâng/hạ	2.2 Kw	2.2 Kw
TỐC ĐỘ	Tốc độ nâng/hạ	2 m/min	2 m/min
CƠ CẤU TRUYỀN ĐỘNG		Thủy lực	Thủy lực
NGUỒN CẤP		3 pha 5 dây 380V 50HZ	3 pha 5 dây 380V 50HZ
ĐIỀU KHIỂN	Nút bấm, thẻ từ và điều khiển từ xa		
XỬ LÝ BỀ MẶT		Sơn hoặc mạ kẽm	Sơn hoặc mạ kẽm
BỀ RỘNG PALLET		2100	2100

Hệ thống cầu nâng 3 tầng dạng đơn với hố hầm

Thông số kỹ thuật

b. Hệ cầu nâng 3 tầng dạng đơn với hố hầm

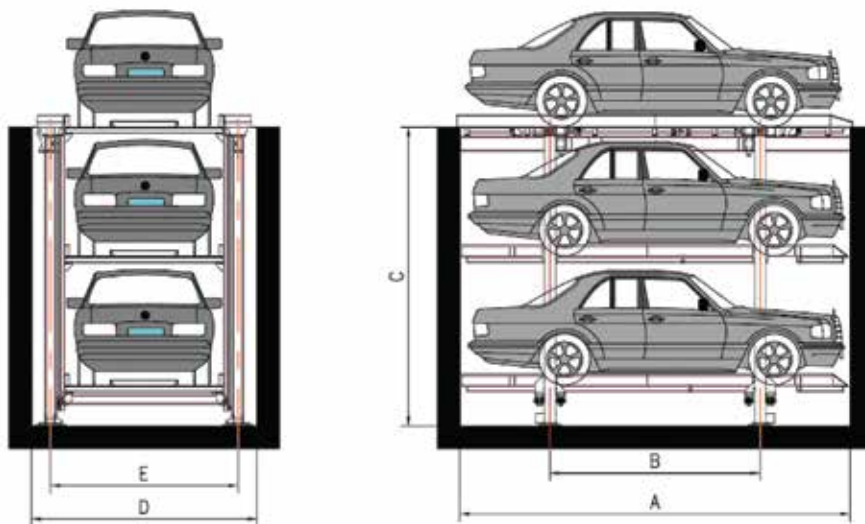
Nguyên tắc hoạt động

Đây là hệ thống đỗ xe 3 tầng phù hợp với không gian đỗ xe gia đình, khu biệt thự .v.v. Tầng trệt và tầng giữa thường nằm trong hố Pit, khi đó tầng 3 sẽ cao bằng mặt sân và xe trên tầng 3 có thể rời đi.

Tầng trệt và tầng giữa muốn cất/ lấy xe thì hệ thống nâng lên để cao bằng mặt sân. Quá trình làm việc có thể xem trong sơ đồ dưới đây.



Thông số kỹ thuật



THÔNG SỐ KHẢ DỤNG	MODEL	XE THƯỜNG	XE DÀI
	Kích thước xe	Dài x Rộng x Cao	Dài x Rộng x Cao
	(mm)	$\leq 4700 \times 1800 \times 1450$	$\leq 5000 \times 1850 \times 1550$
	Trọng lượng xe	$\leq 1500 \text{ Kg}$	$\leq 1700 \text{ Kg}$
KHÔNG GIAN YÊU CẦU	a(mm)	5200	5500
	b(mm)	2600	2800
	c(mm)	4000	4000
	d(mm)	3000	3000
	e(mm)	2600	2500
ĐỘNG CƠ	Động cơ nâng/hạ	4Kw	4Kw
TỐC ĐỘ	Tốc độ nâng/hạ	2.5m/min	2.5m/min
CƠ CẤU TRUYỀN ĐỘNG		Động cơ, xích	Động cơ, xích
NGUỒN CẤP		3 pha 5 dây 380V 50HZ	3 pha 5 dây 380V 50HZ
ĐIỀU KHIỂN	Nút bấm, thẻ từ và điều khiển từ xa		
XỬ LÝ BỀ MẶT		Sơn hoặc mạ kẽm	Sơn hoặc mạ kẽm
BỀ RỘNG PALLET		1900	1900

Hệ thống đỗ xe dạng đa hướng ROBOCAR

Xuất xứ Hàn Quốc – Thông số kỹ thuật

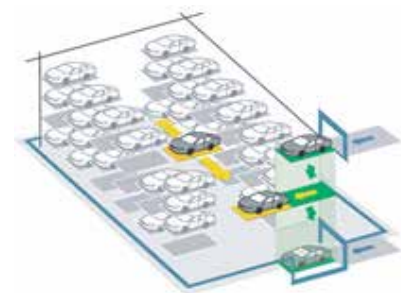
HỆ THỐNG ĐỖ XE ĐA HƯỚNG

Model : GP-F-L1C5-100S

Hãng sản xuất : Dongyang - Hàn Quốc

I. Đặc điểm hệ thống:

- Hệ thống motor SEW nhập khẩu Đức
- Nguồn cấp: AC 380/400/420V. 50/60Hz
- Hệ điều khiển
 - + Điều khiển tốc độ: Biến tần
 - + Điều khiển trình tự PLC
 - + Giao diện vận hành: Màn hình cảm ứng
- Kích thước xe khả dụng
 - + Chiều dài phủ bì: 5.150mm
 - + Chiều rộng phủ bì: 2.000mm
 - + Chiều cao phủ bì: 1.550mm/1.900mm
 - + Tổng trọng lượng: 2200kg



2. Thông số điển hình

STT	NỘI DUNG	THAM SỐ
I	HỆ THANG MÁY	
a	Thang nâng	
	- Motor hộp số	18.5Kw - 4P
	- Tốc độ chạy	45m/p Max
b	Hệ trượt	
	- Motor hộp số	1.5Kw - 4P
	- Tốc độ chạy	38m/p Max
	- Cơ Cấu	Chuyển động bằng bánh ma sát

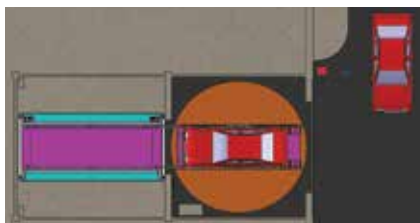
STT	NỘI DUNG	THAM SỐ
II	HỆ ROBOCAR	
a	Xe mang robocar (Cart)	
	- Motor hộp số	1.5Kw - 4P, 2 bộ
	- Tốc độ chạy	72m/p Max
	- Cơ Cấu	Truyền động trực tiếp vào bánh xe Cart
b	Cơ cấu lấy và trả xe trong thang máy	
	- Motor hộp số	1.5Kw - 4P
	- Tốc độ chạy	72m/p Max
	- Cơ Cấu	Truyền động trực tiếp vào bánh xe Cart
c	Robocar	
	- Motor hộp số	0.4Kw - 4P
	- Tốc độ chạy	7.5m/p Max
	- Cơ Cấu	Trực tiếp truyền động vào hệ thanh răng bánh răng
d	Cửa tự động	
	- Kích thước (RxC)	2500mmx2100mm
	- Kiểu mở	2-3 cánh
	- Motor	0.2Kw - 4P
	- Tốc độ	20m/p

Quy trình hệ thống đỗ xe đa hướng 7 bước

3. Quy trình hệ thống

Khu vực tiếp nhận xe

- **Bước 1:** Khi xe đi vào, Barrie sẽ đóng lại, hệ thống bãi đỗ xe tự động sẽ hướng dẫn người lái xe đưa xe vào vị trí tiếp nhận xe, ở vị trí này người lái xe được hướng dẫn điều chỉnh xe vào đúng vị trí bằng bảng hiển thị trực quan
- **Bước 2:** Khi hệ thống xác nhận xe đã ở đúng vị trí Người lái xe ra khỏi khu vực tiếp nhận xe
- **Bước 3:** Người gửi xác nhận đã đỗ đúng vị trí trên bản thông báo
- **Bước 4:** Các hệ thống cảm biến sẽ xác nhận việc đỗ xe có đúng không. Nếu không đúng thì sẽ xoay xe trên bàn xoay tự động
- **Bước 5:** AVG lấy xe từ mâm xoay vào khu thang nâng
- **Bước 6:** Thang nâng vận chuyển AVG xuống tầng
- **Bước 7:** AGV sẽ tự động đưa xe vào vị trí thích hợp trong khu vực để xe



- Bước 1:



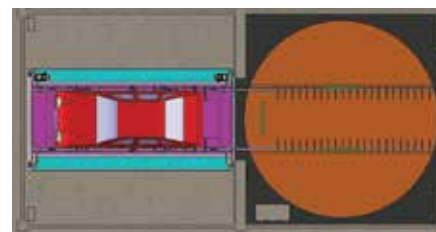
- Bước 2:



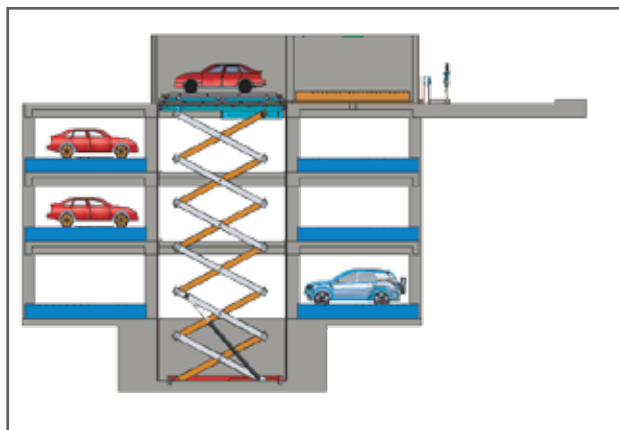
- Bước 3:



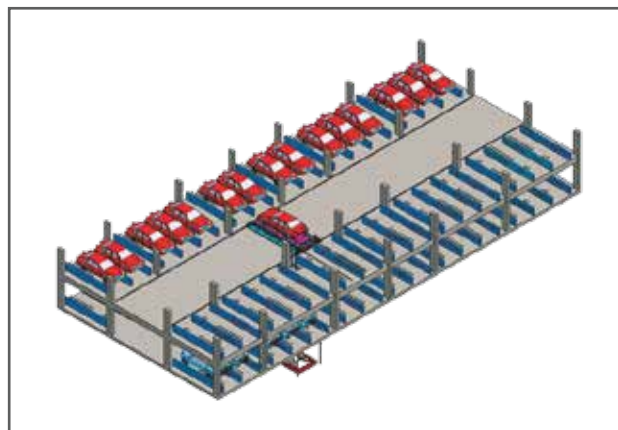
- Bước 4:



- Bước 5:



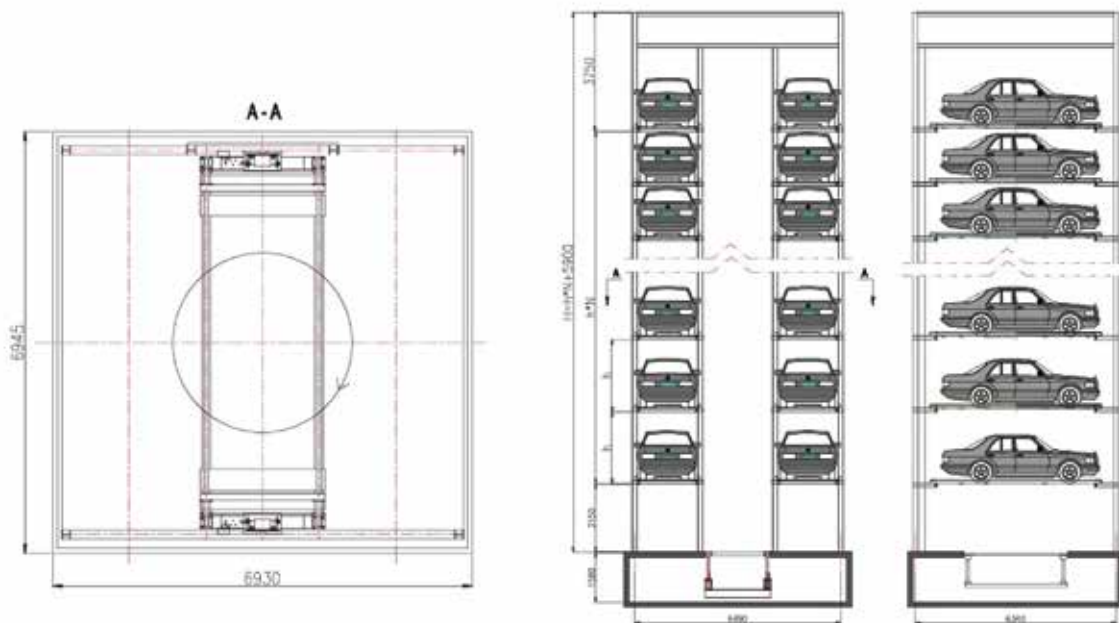
- Bước 6:



- Bước 7:

Hệ thống xe tự động dạng tháp

Thông số kỹ thuật



XE KHẢ DỤNG	MODEL	XE THƯỜNG	XE DÀI
	Kích thước xe	Dài x Rộng x Cao	Dài x Rộng x Cao
	(mm)	$\leq 5000 \times 1850 \times 1550$	$\leq 5300 \times 1900 \times 1550$
	car weight	$\leq 1700 \text{ Kg}$	$\leq 2350 \text{ Kg}$
KHÔNG GIAN YÊU CẦU	a(mm)	2270	2270
	b(mm)	≤ 25	≤ 25
	c(mm)	$h \cdot N + 5900$	$h \cdot N + 5900$
	d(mm)	4420	4420
	e(mm)	6490	6590
ĐỘNG CƠ	N	37Kw	37Kw
	Chiều cao (mm)	0.75Kw	0.75Kw
	Động cơ nâng/ hạ	2.2Kw	2.2Kw
TỐC ĐỘ	Động cơ trượt	60~90m/min	60~90m/min
	Tốc độ nâng/ hạ	25m/min	25m/min
	Tốc độ trượt	3r/min	3r/min
CƠ CẤU TRUYỀN ĐỘNG	Truyền động cường bức, truyền động kéo		
NGUỒN CẤP	3 phase 5 wire 380V 50HZ		
ĐIỀU KHIỂN	Nút bấm, thẻ từ và màn hình cảm ứng		
XỬ LÝ BỀ MẶT	Mạ kẽm hoặc sơn		



Hệ thống đỗ xe dạng xoay vòng ngang



a. Gia công chế tạo, tiêu chuẩn áp dụng :

- Thiết kế và tính toán đáp ứng TCVN về hoạt tải, tải tĩnh, sức gió. TCVN 4244, TCVN 5575, TCVN 2737
- Vật liệu: Sản xuất từ thép SS400 và CT3, bulong và vật tư phụ được sản xuất từ thép cường độ cao, có kiểm tra lực cắt theo tiêu chuẩn ASTM F 606-07 của Hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ
- Nguyên công hàn: Liên kết hàn theo tiêu chuẩn ASW D1.1 của Mỹ và được kiểm định bằng phương pháp siêu âm (UT) và từ tính (MT)
- Xử lý bề mặt bằng phương pháp phun bi làm sạch đến độ nhám bề mặt đạt từ 70 – 100 micro met.
- Sơn phủ Epoxy 2 lớp đảm bảo tính đáp ứng độ bền trên 10 năm trong điều kiện khí hậu của mọi vùng miền ở Việt Nam

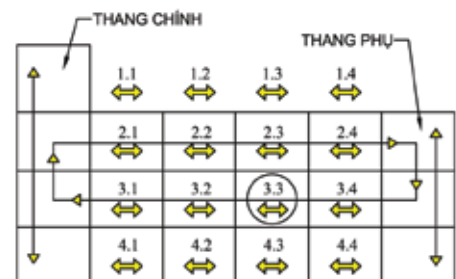
b. Sơ đồ công nghệ :

Hệ thống gồm :

- 1 thang nâng chính để nhận - trả xe
- 1 thang nâng phụ để dịch chuyển xe thay đổi tầng khi cần
- Mỗi tầng để xe được bố trí 1 động cơ để kéo cả sàn đó chạy ngang

c. Thông số kỹ thuật chung:

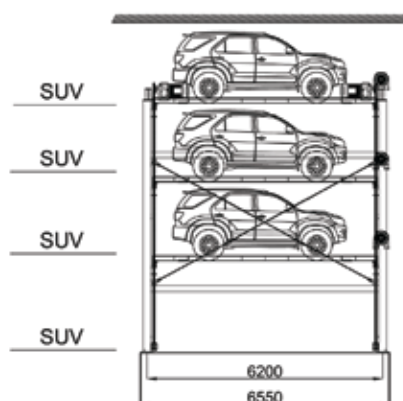
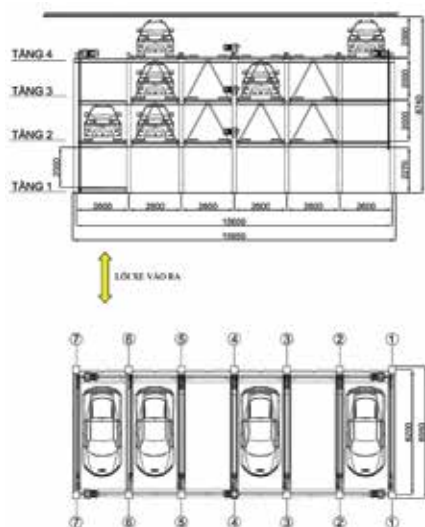
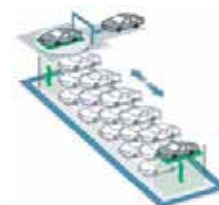
- Tải trọng xe lớn nhất : 2,5 tấn
- Tốc độ nâng hạ của thang nâng : 30m/phút
- Tốc độ di chuyển vòng quay: 10m/phút
- Kích thước khoang chứa : 6.2 x 2.6 x 2 m



Hệ thống đỗ xe xoay vòng ngang 3 tầng 6 cột và 4 tầng 6 cột

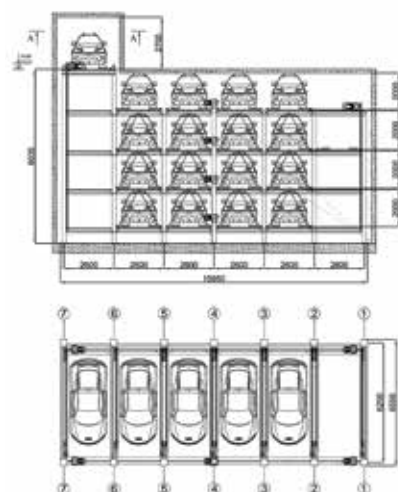
1. Hệ xoay vòng ngang 3 tầng 6 cột

Nội dung	Đơn vị	Tham số
Thời gian lấy xe tối đa	giây	140
Tổng số vị trí đỗ (dùng cho cả SUV + Sedan)	xe	14
Kích thước hệ thống (DxRxH)	m	16 x 7 x 9
Kích thước tối thiểu khu đất (DxRxH)	m	16.5 x 7.5 x 9

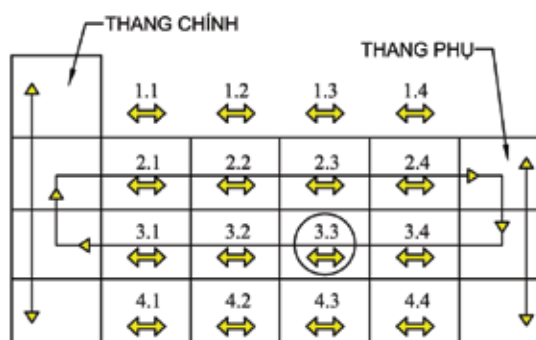


2. Hệ xoay vòng ngang 4 tầng 6 cột

Nội dung	Đơn vị	Tham số
Thời gian lấy xe tối đa	giây	160
Tổng số vị trí đỗ (dùng cho cả SUV + Sedan)	xe	17
Kích thước hệ thống (DxRxH)	m	16 x 7 x 11.7
Kích thước tối thiểu hầm (DxRxH)	m	17 x 7.5 x 9

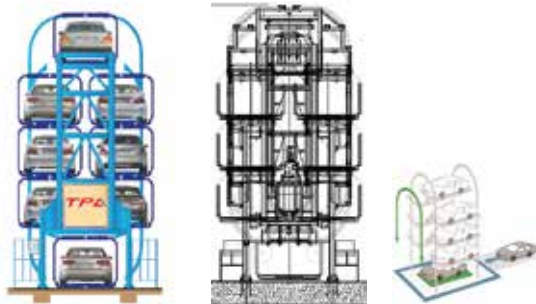


MÔ TẢ NGUYÊN LÝ LÀM VIỆC

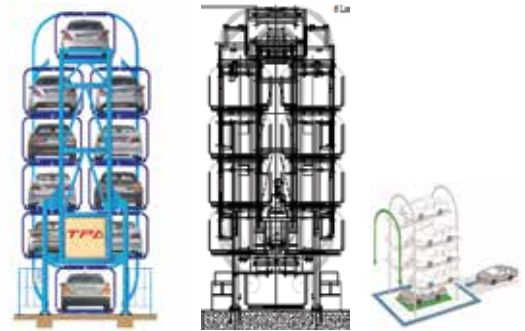


Bản vẽ và thông số kỹ thuật của hệ thống xoay vòng đứng

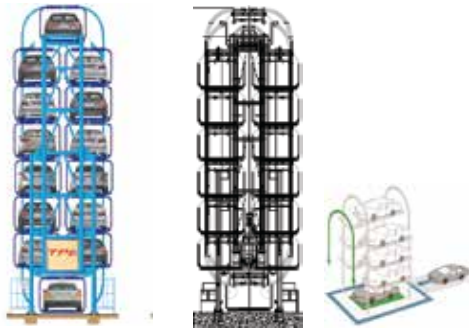
a. Hệ xoay vòng đứng 5 tầng - 8 vị trí đỗ



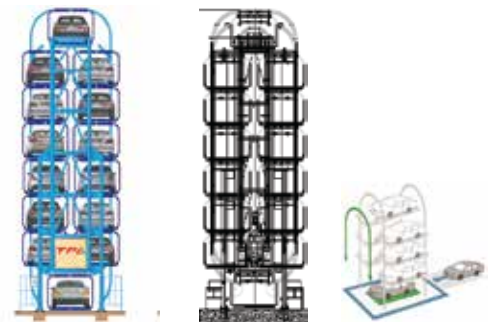
b. Hệ xoay vòng đứng 6 tầng
10 vị trí đỗ



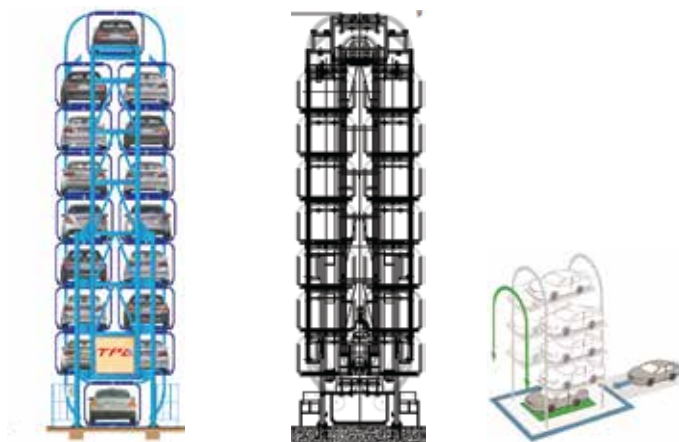
c. Hệ xoay vòng đứng 7 tầng - 12 vị trí đỗ



d. Hệ xoay vòng đứng 8 tầng
14 vị trí đỗ



e. Hệ xoay vòng đứng 9 tầng - 16 vị trí đỗ



THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN TỬ GỒM MÁY PHÁT ĐIỆN ĐIỀU HÒA - QUẠT CÔNG NGHIỆP



QUẠT CÔNG NGHIỆP: Quạt thông gió nhà xưởng, quạt công nghiệp tròn, hệ thống quạt hút gió

QUẠT THÔNG GIÓ NAHF XƯỞNG



QUẠT CÔNG NGHIỆP TRÒN



HỆ THỐNG QUẠT HÚT GIÓ

Thiết bị phòng cháy chữa cháy: Bình chữa cháy các loại, Vòi chữa cháy các loại, lắp đặt hệ thống phòng cháy toàn ..

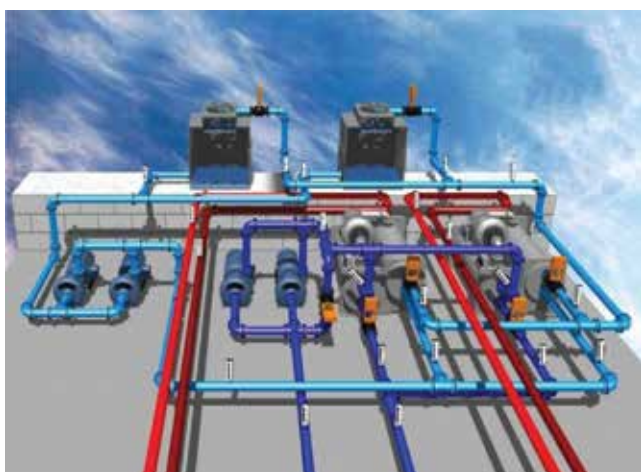




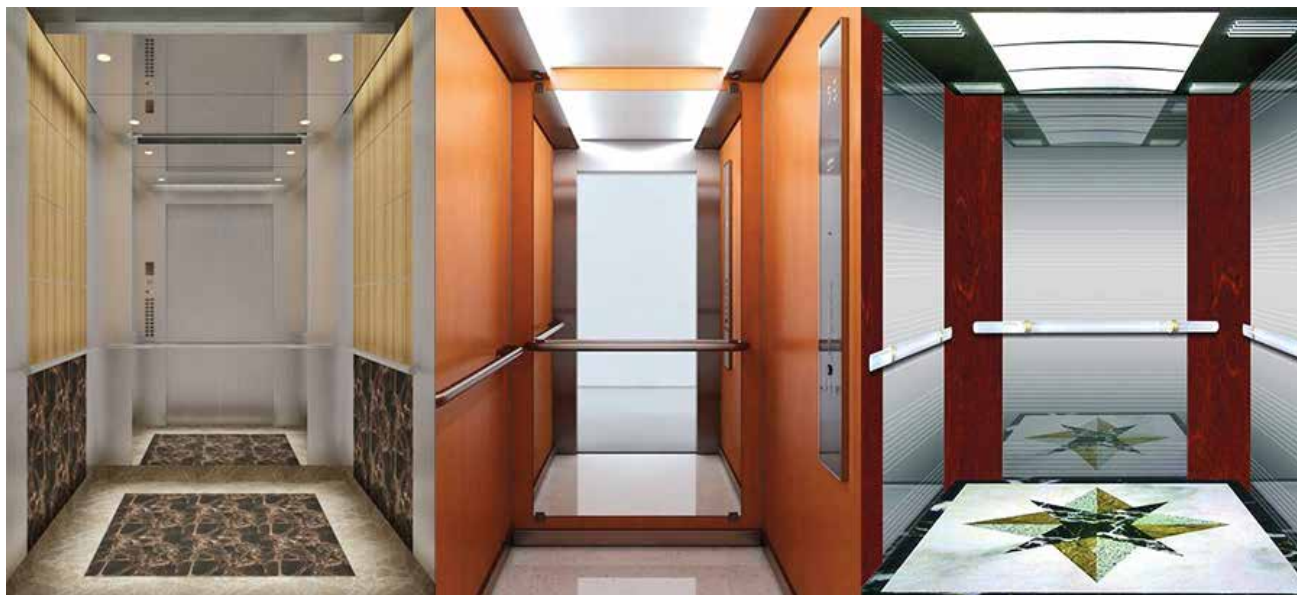
Hotline: 02439.138.999

▶ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM, THI CÔNG TIÊU BIỂU









DỰ ÁN TIÊU BIỂU



Bệnh viện 354 - Đốc Ngủ, Ba Đình
Loại thang sử dụng: Schindler S2400
Số lượng: 9
Tốc độ: 1.6 m/s
Số điểm dừng: 12, 1-11,
Trọng tải: 800, 1600 Kg



Vinhomes Central Park
Loại thang sử dụng: Schindler 5400
Số lượng: 4
Tốc độ: 1.75 m/s, 2.25 m/s
Số điểm dừng: 15, 27
Trọng tải: 900, 1600 Kg



Bệnh viện đa khoa Thái Nguyên
Loại thang sử dụng: Mitsubishi
Số lượng: 5
Tốc độ: 1.75 m/s
Số điểm dừng: 15
Trọng tải: 750, 1600 Kg



Tòa Indochina
Loại thang sử dụng: Schindler: 7000,
Panorama
Số lượng: 10
Tốc độ: 1.75 m/s, 2.5 m/s
Số điểm dừng: U, 1-19, 1-9, 11-9, 11-20, 11-19
Trọng tải: 2000, 1000, 1200 Kg



Tòa D2 Giảng Võ, Giảng Võ, Hà Nội
Loại thang sử dụng: Schindler 5500AP,
3300AP, 9300AE,
Số lượng: 9
Tốc độ: 1.75 m/s, 2.5 m/s, 2.0 m/s
Số điểm dừng: 7, 13, 23
Trọng tải: 1000, 1600 Kg



Hình ảnh công trình tòa nhà Labonita
Loại thang sử dụng: Schindler
Số lượng: 3
Tốc độ: 1.75 m/s
Số điểm dừng: 18
Trọng tải: 1000 Kg



Tòa Thăng Long
Loại thang sử dụng: Schindler 5400
Số lượng: 4
Tốc độ: 1.75 m/s, 2.25 m/s
Số điểm dừng: 15, 27
Trọng tải: 900, 1600 Kg



Vietinbank Hà Nội
Loại thang sử dụng: Schindler: 7000,
Panorama
Số lượng: 10
Tốc độ: 1.75 m/s, 2.5 m/s
Số điểm dừng: U, 1-19, 1-9, 11-9, 11-20, 11-19
Trọng tải: 2000, 1000, 1200 Kg



Tòa nhà Ban cơ yếu chính phủ Lê Văn Lương



Bộ Công An 47 Phạm Văn Đồng



Cải tạo nhà máy
Bedra Việt Nam
(Công ty TNHH
Bedra Việt nam)



Toà nhà AV5 (Học viện An Ninh)



Toà nhà Đường Việt Hải Châu - Đà Nẵng

Mai Linh Quảng Ngãi
Trung tâm điều hành hãng xe
ô tô, xe buýt Mai Linh



Đại học Nông Lâm Gia Lai



Nhà máy Hyosung Đồng Nai



Hotline: 02439.138.999



Thi công lắp đặt thang máy tại nước Lào



CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ: số 36 ngõ 26 đường Nguyễn Hồng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
VPGD: P. 1201 tầng 12 Keangnam Hanoi Landmark 72, Khu E6, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 02439138999 Fax: 02436321999 Email: thangmayhanoi.hnee@gmail.com
Website: hnee.com.vn Mã số thuế: 0105942632